

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Tháng 08 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300850255 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 04 năm 1994 và thay đổi lần thứ 15 vào ngày 29 tháng 08 năm 2022.

Công ty có trụ sở chính tại số 41 - 47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm: Kinh doanh phòng nghỉ, văn phòng cho thuê; Kinh doanh ăn uống và vũ trường; Thu đổi ngoại tệ cho khách; Dịch vụ du lịch, lữ hành trong cả nước, và quốc tế; Dịch vụ vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm, dịch vụ phòng họp cho khách tại khách sạn; Vận chuyển khách du lịch; Dịch vụ vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Kinh doanh Karaoke; Dịch vụ xoa bóp, xông hơi; Mua bán rượu; Dịch vụ giặt, ủi, hấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đường Giang	Chủ tịch
Ông Phạm Thanh Bình	Thành viên
Bà Tạ Thị Tuyết Mai	Thành viên
Ông Trần Tiến	Thành viên
Bà Phan Ngọc Bích	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Hà Thị Mai Phương	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Hồng Thanh Lan	Thành viên	
Bà Huỳnh Thị Thanh Trúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2023
Bà Trương Nguyễn Khang Vy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/06/2023

Ban Giám Đốc

Bà Phan Ngọc Bích	Giám đốc
-------------------	----------

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Nguyễn Hoàng Thoa.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến thời điểm lập Báo cáo này là Bà Phan Ngọc Bích - Giám đốc.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn UHY - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phan Ngọc Bích

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023



Số: 073 /2023/UHYHCM-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 08 năm 2023, trình bày từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 7 “Phải thu khách hàng dài hạn” - phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại ngày 01/01/2023 và 30/06/2023, số dư nợ phải thu khó đòi Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Giải trí Một Con Kiến (nay đổi tên là Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Giải trí MCK, sau đây viết tắt là Công ty MCK) liên quan đến tiền thuê mặt bằng là 927.218.166 đồng, đã được trích lập dự phòng là 177.218.166 đồng (số dự phòng được trích lập sau khi đối trừ nợ phải thu gốc với tiền nhận ký quỹ là 750.000.000 đồng). Năm 2015, Công ty đã khởi kiện Công ty MCK liên quan đến tranh chấp thu hồi tiền thuê mặt bằng nêu trên. Tại ngày 01/04/2021, Cục thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh - Cục Thi hành án Dân sự Quận 7 đã ban hành quyết định thi hành án số 1011/QĐ-CCTHADS về việc buộc Công ty MCK thanh toán cho Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn số tiền 1.559.611.543 đồng. Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty MCK chưa thực hiện hoàn trả số tiền nêu trên cho Công ty. Do không chắc chắn thu được các khoản công nợ này, Công ty chưa thực hiện điều chỉnh những ảnh hưởng của bản án nêu trên đến số liệu Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 15 “Chi phí phải trả ngắn hạn” - phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty đang trong thời gian làm thủ tục chuyển đổi sang trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đất còn lại đối với khu đất 41-47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đến thời điểm phát hành báo cáo này việc chuyển đổi nêu trên vẫn chưa hoàn thành. Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, Công ty trích trước tiền thuê đất theo đơn giá thuê đất trả hàng năm căn cứ theo Thông báo về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước số 13176/TB-CT của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh ngày 06 tháng 10 năm 2016, tuy nhiên Thông báo trên chỉ áp dụng từ ngày 08/10/2016 đến ngày 07/10/2021. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, cơ quan có thẩm quyền chưa có các thông báo khác về đơn giá thuê đất của Công ty áp dụng cho giai đoạn từ ngày 07/10/2021 đến ngày 30/06/2023 và các năm tiếp theo. Do đó, ảnh hưởng (nếu có) của việc thay đổi đơn giá thuê đất phụ thuộc vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi kết luận soát xét đã trình bày.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số 1496-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP.HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		176.374.971.591	165.393.042.731
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.723.803.941	112.619.412.764
Tiền	111		2.723.803.941	8.619.412.764
Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	104.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	161.214.160.000	48.214.160.000
Chứng khoán kinh doanh	121		3.714.160.000	3.714.160.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		157.500.000.000	44.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.182.853.066	3.436.101.145
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.507.504.774	3.172.278.299
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.240.000	95.514.150
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.463.156.163	917.794.372
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(793.047.871)	(749.485.676)
Hàng tồn kho	140	9	294.593.240	344.228.250
Hàng tồn kho	141		294.593.240	344.228.250
Tài sản ngắn hạn khác	150		959.561.344	779.140.572
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	235.532.194	69.593.465
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	724.029.150	709.547.107
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.033.417.104	31.466.285.567
Các khoản phải thu dài hạn	210		750.000.000	750.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	927.218.166	927.218.166
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(177.218.166)	(177.218.166)
Tài sản cố định	220		28.745.061.721	30.158.985.601
Tài sản cố định hữu hình	221	11	28.745.061.721	30.158.985.601
- Nguyên giá	222		84.337.080.833	84.337.080.833
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.592.019.112)	(54.178.095.232)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		376.500.000	376.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(376.500.000)	(376.500.000)
Tài sản dài hạn khác	260		538.355.383	557.299.966
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	538.355.383	557.299.966
TỔNG TÀI SẢN	270		206.408.388.695	196.859.328.298

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		24.893.229.729	18.712.815.404
Nợ ngắn hạn	310		22.421.229.729	16.240.815.404
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	326.535.260	562.631.285
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		186.608.717	154.317.034
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.372.606.041	1.052.524.010
Phải trả người lao động	314		2.080.647.448	1.885.666.060
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	11.021.661.500	10.303.341.500
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	6.078.014.203	1.187.978.955
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.355.156.560	1.094.356.560
Nợ dài hạn	330		2.472.000.000	2.472.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	16	2.472.000.000	2.472.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		181.515.158.966	178.146.512.894
Vốn chủ sở hữu	410	17	181.515.158.966	178.146.512.894
Vốn góp của chủ sở hữu	411		123.641.000.000	123.641.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.641.000.000	123.641.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(302.784.117)	(302.784.117)
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.868.174.955	1.868.174.955
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.303.364.068	3.303.364.068
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.005.404.060	49.636.757.988
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		43.587.891.988	40.690.712.548
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.417.512.072	8.946.045.440
TỔNG NGUỒN VỐN	440		206.408.388.695	196.859.328.298



Phan Ngọc Bích
Giám đốc


Nguyễn Hoàng Thoa
Kế toán trưởng


Vũ Thị Cảnh
Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	20.461.517.681	9.482.578.167
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		20.461.517.681	9.482.578.167
Giá vốn hàng bán	11	20	10.809.227.105	7.837.559.283
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.652.290.576	1.645.018.884
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	6.107.646.233	4.376.746.231
Chi phí tài chính	22		2.279.465	990.778
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	3.921.526.991	3.147.504.220
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.836.130.353	2.873.270.117
Thu nhập khác	31	23	16.915.517	14.033.983
Chi phí khác	32	24	64.071.544	53.566.181
Lợi nhuận khác	40		(47.156.027)	(39.532.198)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.788.974.326	2.833.737.919
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	2.371.462.254	580.649.046
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.417.512.072	2.253.088.873
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	700	138
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	700	138



Phan Ngọc Bích
Giám đốc


Nguyễn Hoàng Thoa
Kế toán trưởng


Vũ Thị Cảnh
Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	11.788.974.326	2.833.737.919
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.413.923.880	1.446.820.850
Các khoản dự phòng	03	43.562.195	53.985.366
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(383.780)	(2.122.636)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.105.741.724)	(4.373.950.384)
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	7.140.334.897	(41.528.885)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	755.456.879	(857.391.938)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	49.635.010	(9.059.441)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	374.198.754	1.568.917.285
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(146.994.146)	(100.967.237)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.074.776.683)	(169.071.986)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	8.900.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(539.200.000)	(394.099.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.558.654.711	5.698.658
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(157.500.000.000)	(142.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	44.500.000.000	141.500.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.545.352.686	4.390.642.849
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(110.454.647.314)	3.890.642.849
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(104.895.992.603)	3.896.341.507
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	112.619.412.764	730.957.208
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	383.780	2.122.636
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.723.803.941	4.629.421.351



Nguyễn Hoàng Thoa
Nguyễn Hoàng Thoa
Kế toán trưởng

Vũ Thị Cảnh
Vũ Thị Cảnh
Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300850255 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 04 năm 1994 và thay đổi lần thứ 15 vào ngày 29 tháng 08 năm 2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 123.641.000.000 đồng, chia thành 12.364.100 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại số 41 - 47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.

Ngày 12/07/2001, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) với mã cổ phiếu là: SGH. Ngày 30/07/2009, Công ty đã chuyển giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và thương mại.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh phòng nghỉ, văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh ăn uống và vũ trường;
- Thu đổi ngoại tệ cho khách;
- Dịch vụ du lịch, lữ hành trong cả nước và quốc tế;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm, dịch vụ phòng họp cho khách tại khách sạn;
- Vận chuyển khách du lịch; dịch vụ vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh Karaoke;
- Dịch vụ xoa bóp, xông hơi;
- Mua bán rượu;
- Dịch vụ giặt, ủi, hấp;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh phòng ngủ và nhà hàng. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục nhiều lần trong tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là phòng ngủ và nhà hàng. Theo đó, số lượng khách du lịch đến thành phố Hồ Chí Minh cũng như các chính sách thu hút khách du lịch của Nhà nước và các chính sách khuyến mãi về giá phòng của Công ty sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty không có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022 của Công ty đã được soát xét.

Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại thuyết minh số 26, 27 của Thuyết minh Báo cáo tài chính

2 KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỶ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài Chính ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 CÁC LOẠI TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI ÁP DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh 7.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại số dư cuối kỳ của tài sản tiền tệ có gốc ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận và đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chứng khoán kinh doanh (tiếp)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Trong trường hợp Công ty không thu thập được những bằng chứng đáng tin cậy về việc giảm giá của khoản chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư này vẫn được phản ánh trong báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Thời gian khấu hao của tài sản như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý khách sạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian sử dụng ước tính là 05 năm.

4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 48 tháng.

4.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu và niên độ kế toán hiện hành.

4.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động kinh doanh phòng nghỉ, kinh doanh ăn uống và các dịch vụ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

4.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn, các Công ty trực thuộc Tổng Công ty, các Công ty con, Công ty liên kết do Tổng Công ty đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Tiền mặt	19.072.500	117.442.000
Tiền gửi ngân hàng	2.631.636.112	8.497.725.093
Tiền đang chuyển	73.095.329	4.245.671
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	104.000.000.000
Cộng	7.723.803.941	112.619.412.764

(*) Là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất 4,3%/năm.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2023			Tại 01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Chứng khoán kinh doanh	3.714.160.000	20.725.591.800	-	3.714.160.000	20.385.828.000	-
Cổ phiếu NH TMCP Phương Đông (1)	3.714.160.000	20.725.591.800	-	3.714.160.000	20.385.828.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	157.500.000.000	157.500.000.000	-	44.500.000.000	44.500.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (2)	157.500.000.000	157.500.000.000	-	44.500.000.000	44.500.000.000	-
Cộng	161.214.160.000	178.225.591.800	-	48.214.160.000	64.885.828.000	-

(1) Tại ngày 30/06/2023, Công ty nắm giữ tổng số lượng cổ phiếu là 1.132.546 cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 0,08%. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 30/06/2023.

(2) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất 5,7% - 8,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	2.507.504.774	(793.047.871)	3.172.278.299	(749.485.676)
- Công ty TNHH MTV Đa Niềm Tin	1.640.000.000	(789.467.871)	1.640.000.000	(745.905.676)
- Công ty TNHH Kiến Phúc và Cộng sự	11.207.998	-	481.401.923	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Circo	18.835.957	-	17.914.848	-
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khác	837.460.819	(3.580.000)	1.032.961.528	(3.580.000)
Phải thu của khách hàng dài hạn	927.218.166	(177.218.166)	927.218.166	(177.218.166)
- Công ty Cổ phần DV TM Giải trí Một Con Kiến (*)	927.218.166	(177.218.166)	927.218.166	(177.218.166)
Phải thu của khách hàng là bên liên quan	-	-	25.300.000	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ lữ hành Saigon Tourist	-	-	25.300.000	-
Cộng	3.434.722.940	(970.266.037)	4.099.496.465	(926.703.842)

(*) Tại ngày 01/01/2023 và 30/06/2023, số dư nợ phải thu khó đòi Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Giải trí Một Con Kiến (nay đổi tên là Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Giải trí MCK, sau đây viết tắt là Công ty MCK) liên quan đến tiền thuê mặt bằng là 927.218.166 đồng, đã được trích lập dự phòng là 177.218.166 đồng (số dự phòng được trích lập sau khi đối trừ nợ phải thu gốc với tiền nhận ký quỹ là 750.000.000 đồng). Năm 2015, Công ty đã khởi kiện Công ty MCK liên quan đến tranh chấp thu hồi tiền thuê mặt bằng nêu trên. Tại ngày 01/04/2021, Cục thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh - Cục Thi hành án Dân sự Quận 7 đã ban hành quyết định thi hành án số 1011/QĐ-CCTHADS về việc buộc Công ty MCK thanh toán cho Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn số tiền 1.559.611.543 đồng. Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty MCK chưa thực hiện hoàn trả số tiền nêu trên cho Công ty. Do không chắc chắn thu được các khoản công nợ này, Công ty chưa thực hiện điều chỉnh những ảnh hưởng của bản án nêu trên đến số liệu Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	4.463.156.163	-	917.794.372	-
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	4.406.156.163	-	845.767.125	-
- Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	39.500.000	-	49.000.000	-
- Tạm ứng	17.500.000	-	-	-
- Phải thu ngắn hạn khác	-	-	23.027.247	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	4.463.156.163	-	917.794.372	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	274.451.240	-	324.086.250	-
Công cụ dụng cụ	20.142.000	-	20.142.000	-
Cộng	294.593.240	-	344.228.250	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	235.532.194	69.593.465
- Chi phí công cụ dụng cụ	22.451.849	49.597.692
- Chi phí nghỉ mát	124.727.545	-
- Chi phí chờ phân bổ khác	88.352.800	19.995.773
Dài hạn	538.355.383	557.299.966
- Chi phí công cụ dụng cụ	468.877.380	459.328.690
- Chi phí sửa chữa	30.438.931	51.063.471
- Chi phí chờ phân bổ khác	39.039.072	46.907.805
Cộng	773.887.577	626.893.431

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2023	70.790.425.839	11.161.007.549	2.385.647.445	84.337.080.833
Tại 30/06/2023	70.790.425.839	11.161.007.549	2.385.647.445	84.337.080.833
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2023	(43.032.240.856)	(8.959.658.022)	(2.186.196.354)	(54.178.095.232)
- Khấu hao trong kỳ	(891.892.062)	(447.225.639)	(24.913.997)	(1.364.031.698)
- Khấu hao TSCĐ hữu hình chờ thanh lý	-	-	(49.892.182)	(49.892.182)
Tại 30/06/2023	(43.924.132.918)	(9.406.883.661)	(2.261.002.533)	(55.592.019.112)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2023	27.758.184.983	2.201.349.527	199.451.091	30.158.985.601
Tại 30/06/2023	26.866.292.921	1.754.123.888	124.644.912	28.745.061.721

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là 31.133.198.222 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 30.986.666.222 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý tại ngày 30/06/2023 là 997.843.636 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 997.843.636 đồng).

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý khách sạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian sử dụng ước tính là 05 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	326.535.260	326.535.260	562.631.285	562.631.285
- CN TCT Điện Lực Tp.HCM TNHH-CT Điện Lực Sài Gòn	11.303.871	11.303.871	83.274.443	83.274.443
- Nguyễn Thị Sáng_Sạp 1187 Chợ Bến Thành	35.741.900	35.741.900	18.528.600	18.528.600
- Công ty TNHH XD TM Môi Trường Dương Long	-	-	22.140.000	22.140.000
- Công ty TNHH TM-DV Xây Dựng Hưng Phong	17.242.000	17.242.000	17.242.000	17.242.000
- Công ty Cổ Phần Giặt ủi Việt	47.897.432	47.897.432	49.040.296	49.040.296
- Phải trả nhà cung cấp khác	214.350.057	214.350.057	372.405.946	372.405.946
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 30/06/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại 01/01/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	261.544.245	1.662.080.520	1.613.978.597	213.442.322
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.105.796.970	2.371.802.254	2.074.776.683	808.771.399
- Thuế thu nhập cá nhân	(26.900.603)	260.423.846	307.764.112	20.439.663
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(564.126.720)	12.418.560	-	(576.545.280)
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	(3.407.308)	-	-	(3.407.308)
- Các loại thuế khác	5.264.826	32.703.278	37.309.078	9.870.626
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	(129.594.519)	3.000.000	3.000.000	(129.594.519)
Cộng	648.576.891	4.342.428.458	4.036.828.470	342.976.903
Trong đó:	Tại 30/06/2023			Tại 01/01/2023
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	724.029.150			709.547.107
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.372.606.041			1.052.524.010

(*) Số thuế phải nộp của Doanh nghiệp chưa được cơ quan thuế quyết toán. Số thuế trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	11.021.661.500	10.303.341.500
- Trích trước tiền thuê đất (*)	10.912.704.000	10.072.704.000
- Trích trước tiền trang phục	73.957.500	164.637.500
- Trích trước chi phí khác	35.000.000	66.000.000
Dài hạn	-	-
Cộng	11.021.661.500	10.303.341.500

(*) Công ty đang trong thời gian làm thủ tục chuyển đổi sang trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đất còn lại đối với khu đất 41-47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, đến thời điểm phát hành báo cáo này việc chuyển đổi nêu trên vẫn chưa hoàn thành. Trong 6 tháng đầu năm 2023, Công ty tiếp tục trích trước tiền thuê đất theo đơn giá thuê đất trả hàng năm căn cứ theo Thông báo về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước số 13176/TB-CT của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh ngày 06 tháng 10 năm 2016, tuy nhiên Thông báo trên chỉ áp dụng từ ngày 08/10/2016 đến ngày 07/10/2021. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, cơ quan có thẩm quyền chưa có các thông báo khác về đơn giá thuê đất của Công ty áp dụng cho giai đoạn từ ngày 07/10/2021 đến ngày 30/06/2023 và các năm tiếp theo. Do đó, ảnh hưởng (nếu có) của việc thay đổi đơn giá thuê đất phụ thuộc vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	6.078.014.203	1.187.978.955
- Kinh phí công đoàn	-	150.651.247
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	800.000.000	800.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.278.014.203	237.327.708
+ <i>Kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS</i>	279.000.000	171.250.000
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	4.964.574.000	18.934.000
+ <i>Phải trả hoa hồng môi giới</i>	14.680.203	24.692.041
+ <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	19.760.000	22.451.667
Dài hạn	2.472.000.000	2.472.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	2.472.000.000	2.472.000.000
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	8.550.014.203	3.659.978.955

(*) Các khoản ký quỹ cho các hợp đồng cho thuê mặt bằng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Tổng công ty Du Lịch Sài Gòn TNHH MTV	38,86%	48.041.000.000	38,86%	48.041.000.000
Ông Phạm Ái Quốc	0,00%	450.000	17,47%	21.605.500.000
Công ty Cổ phần Bông Sen	8,93%	11.040.400.000	8,93%	11.040.400.000
Công ty Cổ phần An Phú	0,00%	970.000	19,34%	23.912.970.000
Các cổ đông khác	52,21%	64.558.180.000	15,40%	19.041.130.000
Cộng	100%	123.641.000.000	100%	123.641.000.000

17.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	123.641.000.000	123.641.000.000
- Số vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Số vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	123.641.000.000	123.641.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

17.3 CỔ PHIẾU

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.364.100	12.364.100
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng và góp vốn đầy đủ	12.364.100	12.364.100
+ Cổ phiếu thường	12.364.100	12.364.100
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.364.100	12.364.100
+ Cổ phiếu thường	12.364.100	12.364.100
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại 01/01/2022	123.641.000.000	(302.784.117)	1.868.174.955	3.303.364.068	41.750.712.548	170.260.467.454
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	8.946.045.440	8.946.045.440
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021	-	-	-	-	(660.000.000)	(660.000.000)
- Trích thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Tại 31/12/2022	123.641.000.000	(302.784.117)	1.868.174.955	3.303.364.068	49.636.757.988	178.146.512.894
Tại 01/01/2023	123.641.000.000	(302.784.117)	1.868.174.955	3.303.364.068	49.636.757.988	178.146.512.894
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	9.417.512.072	9.417.512.072
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022 (*)	-	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
- Trích thù lao HĐQT và BKS (*)	-	-	-	-	(302.750.000)	(302.750.000)
- Chia cổ tức năm 2022 (*)	-	-	-	-	(4.945.640.000)	(4.945.640.000)
- Giảm khác (**)	-	-	-	-	(476.000)	(476.000)
Tại 30/06/2023	123.641.000.000	(302.784.117)	1.868.174.955	3.303.364.068	53.005.404.060	181.515.158.966

(*) Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao HĐQT và BKS năm 2022 căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 02/NQ-CNCL-ĐHĐCĐ2023 ngày 30/06/2023.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	VND tương đương	Nguyên tệ	VND tương đương	Nguyên tệ
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	103.723.443	4.431,18	97.048.951	4.147,20

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Tổng doanh thu	20.461.517.681	9.482.578.167
- Doanh thu phòng nghỉ	11.688.573.981	4.347.229.355
- Doanh thu ăn uống	3.492.321.200	1.855.423.374
- Doanh thu dịch vụ khác	4.461.314.672	2.942.621.693
- Doanh thu phí phục vụ	819.307.828	337.303.745
Doanh thu với các bên liên quan	385.736.364	18.244.800
- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	-	18.244.800
- Công ty TNHH MTV DV Lữ Hành Saigontourist	377.718.182	-
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV DV Lữ Hành Saigontourist tại Quy Nhơn	6.018.182	-
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV DV Lữ Hành Saigontourist tại Cần Thơ	2.000.000	-

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Giá vốn phòng nghỉ	6.978.343.548	5.272.339.435
Giá vốn ăn uống	3.357.452.495	2.338.840.893
Giá vốn dịch vụ khác	473.431.062	226.378.955
Cộng	10.809.227.105	7.837.559.283

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.105.741.724	4.373.950.384
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.438.702	673.211
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại CLTG cuối kỳ	383.780	2.122.636
Doanh thu hoạt động tài chính khác	82.027	-
Cộng	6.107.646.233	4.376.746.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.899.539.563	1.614.606.000
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	28.278.378	14.361.215
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.795.000	29.555.001
Thuế, phí và lệ phí	855.418.560	843.000.000
Chi phí dự phòng/ hoàn nhập dự phòng	43.562.195	53.985.366
Phí phục vụ	819.308.211	337.303.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.833.324	130.501.822
Chi phí bằng tiền khác	139.791.760	124.191.071
Cộng	3.921.526.991	3.147.504.220

23. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	13.967.240
Thu nhập từ bồi thường	11.572.741	-
Thu nhập khác	5.342.776	66.743
Cộng	16.915.517	14.033.983

24. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí khấu hao TSCĐ chờ thanh lý	49.892.181	49.892.181
Chi tài trợ dụng cụ học tập cho mái ấm tình thương	9.735.000	3.674.000
Chi phí khác	4.444.363	-
Cộng	64.071.544	53.566.181

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.788.974.326	2.833.737.919
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	68.336.944	69.507.311
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	68.336.944	69.507.311
+ Các khoản chi phí không được trừ	18.444.763	19.615.130
+ Chi phí khấu hao TSCĐ chờ thanh lý	49.892.181	49.892.181
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	-	-
Tổng thu nhập tính thuế trong kỳ	11.857.311.270	2.903.245.230
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.371.462.254	580.649.046

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	9.417.512.072	2.253.088.873
Số điều chỉnh tăng (VND)	-	-
Số điều chỉnh giảm (VND)	(195.000.000)	(151.375.000)
- Thù lao HĐQT và BKS (*)	(195.000.000)	(151.375.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	9.222.512.072	2.101.713.873
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	(564.720.000)	(400.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	8.657.792.072	1.701.713.873
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	12.364.100	12.364.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	700	138

(*) Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 02/NQ-CNCL-ĐHĐCĐ2023 ngày 30/06/2023. Do đó, Công ty đã điều chỉnh số liệu so sánh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Ngoài ra số trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến 30/06/2023 được tính bằng 50% giá trị phương án phân phối lợi nhuận kế hoạch năm 2023 căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 02/NQ-ĐHĐCĐ2023 ngày 30/06/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.664.271.341	1.079.257.675
Chi phí nhân công	6.605.717.680	5.117.523.000
Chi phí công cụ dụng cụ	189.180.016	101.951.413
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.364.031.699	1.396.928.669
Chi phí khấu hao tài sản cố định chờ thanh lý	49.892.181	49.892.181
Thuế, phí và lệ phí	855.418.560	843.000.000
Chi phí dự phòng/ hoàn nhập dự phòng	43.562.195	53.985.366
Phí phục vụ	819.308.211	337.303.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.801.668.293	1.080.641.395
Chi phí bằng tiền khác	1.387.596.101	974.472.240
Cộng	14.780.646.277	11.034.955.684

C.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	Phòng nghỉ VND	Ăn uống VND	Dịch vụ khác VND	Phí phục vụ VND	Cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.688.573.981	3.492.321.200	4.461.314.672	819.307.828	20.461.517.681
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.688.573.981	3.492.321.200	4.461.314.672	819.307.828	20.461.517.681
Giá vốn bộ phận	(6.978.343.548)	(3.357.452.495)	(473.431.062)	-	(10.809.227.105)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.710.230.433	134.868.705	3.987.883.610	819.307.828	9.652.290.576
Các chi phí khác không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(128.833.324)	(3.921.526.991)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	690.474.504	5.730.763.585
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	6.107.646.233
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(2.279.465)
Thu nhập khác	-	-	-	-	16.915.517
Chi phí khác	-	-	-	-	(64.071.544)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(2.371.462.254)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	690.474.504	9.417.512.072
Tổng Tài sản					206.408.388.695
Tổng Nợ phải trả					24.893.229.729

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp):

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022	Phòng nghỉ VND	Ăn uống VND	Dịch vụ khác VND	Phí phục vụ VND	Cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.347.229.355	1.855.423.374	2.942.621.693	337.303.745	9.482.578.167
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.347.229.355	1.855.423.374	2.942.621.693	337.303.745	9.482.578.167
Giá vốn bộ phận	(5.272.339.435)	(2.338.840.893)	(226.378.955)	-	(7.837.559.283)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(925.110.080)	(483.417.519)	2.716.242.738	337.303.745	1.645.018.884
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(337.303.745)	(3.147.504.220)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	(1.502.485.336)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	4.376.746.231
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(990.778)
Thu nhập khác	-	-	-	-	14.033.983
Chi phí khác	-	-	-	-	(53.566.181)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(580.649.046)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	2.253.088.873
Tổng Tài sản					188.650.508.390
Tổng Nợ phải trả					16.136.952.063

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

30.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan

	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng	-	25.300.000
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ lữ hành Saigon Tourist	-	25.300.000
Người mua trả tiền trước	4.900.000	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ lữ hành Saigon Tourist	4.900.000	-

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Doanh thu với bên liên quan	385.736.364	18.244.800
- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	-	18.244.800
- Công ty TNHH MTV DV Lữ Hành Saigontourist	377.718.182	-
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV DV Lữ Hành Saigontourist tại Quy Nhơn	6.018.182	-
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV DV Lữ Hành Saigontourist tại Cần Thơ	2.000.000	-
Mua hàng, dịch vụ từ bên liên quan	110.852.280	78.501.754
- CN1 - Công ty TNHH Truyền Hình cáp Saigontourist	110.852.280	77.616.044
- Công ty Cổ phần Bông Sen	-	885.710

Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Tổng thu nhập của Ban Giám đốc	476.250.000	667.040.996
- Bà Phan Ngọc Bích - Giám đốc	476.250.000	-
- Bà Nguyễn Thị Xuân Đào - Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	-	443.266.327
- Bà Phan Ngọc Bích - Phó Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	-	223.774.669
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	195.000.000	158.000.000
Chủ tịch HĐQT	30.000.000	30.000.000
- Ông Nguyễn Đường Giang	30.000.000	-
- Ông Phạm Thanh Bình (Đã miễn nhiệm)	-	30.000.000
Thành viên HĐQT	111.000.000	96.000.000
- Ông Nguyễn Đường Giang (Đã miễn nhiệm)	-	24.000.000
- Ông Phạm Thanh Bình	24.000.000	-
- Bà Tạ Thị Tuyết Mai	24.000.000	24.000.000
- Ông Trần Tiến	39.000.000	-
- Bà Phan Ngọc Bích	24.000.000	24.000.000
- Ông Chung Hán Lương (Đã miễn nhiệm)	-	24.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

<u>Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc (tiếp)</u>	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	476.250.000	VND
Trưởng Ban Kiểm soát	24.000.000	18.000.000
- Bà Hà Thị Mai Phương	24.000.000	-
- Bà Nguyễn Hồng Thanh Lan (Đã miễn nhiệm)	-	18.000.000
Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000	14.000.000
- Bà Nguyễn Hồng Thanh Lan	15.000.000	-
- Bà Trương Nguyễn Khang Vy	15.000.000	12.000.000
- Bà Huỳnh Thị Kim Loan (Đã miễn nhiệm)	-	2.000.000
Cộng	671.250.000	825.040.996

30.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm trụ sở theo hợp đồng số 4789/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 16/08/2012, thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 15/01/1997. Theo Quyết định 6790/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn được phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hằng năm sang trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đất còn lại (từ ngày 27/12/2016 đến hết ngày 14/01/2047). Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục để chuyển sang trả tiền thuê đất một lần.

30.3 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

30.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

30.5 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

30.6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022 của Công ty đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

30.6 SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)

Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại thuyết minh số 26, 27 của Thuyết minh Báo cáo tài chính và được phân loại lại cho phù hợp với nội dung chỉ tiêu/tài khoản, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (Đã soát xét)	Ảnh hưởng điều chỉnh hồi tố	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (Sau điều chỉnh)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	139	(1)	138
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	139	(1)	138



Phan Ngọc Bích
Giám đốc

Nguyễn Hoàng Thoa
Kế toán trưởng

Vũ Thị Cảnh
Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2023

